TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂNDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Kiều Minh Sinh.

2. Ông Nguyễn Văn Cảnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Nguyệt Linh S, sinh năm 1994.

Địa chỉ: tổ 21, ấp Trần Cao V, xã Bàu H 2, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

- *Bị đơn*: Anh Lương Huy H (Luong, Huy H1), sinh năm 1993.

Địa chỉ: S M Dr, Co, Ge 31906, U (H2).

(Chị S và anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – Chị Võ Nguyệt Linh S trình bày:

Năm 2016, chị có quen biết với anh Lương Huy H (Luong, Huy H1), sau một thời gian tìm hiểu, nhận thấy cả hai đều có tình cảm với nhau, lại được sự ủng hộ của gia đình nên chị và anh H quyết định tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 06/02/2018.

Sau khi kết hôn, vì bận công việc nên anh H phải trở về H2 gấp, còn chị vẫn cư trú ổn định tại Việt Nam. Cho nên, vợ chồng chị chưa làm đám cưới và chưa thể tổ chức cuộc sống chung. Vì khoảng cách địa lý quá xa nhau, chị và anh H lại không có điều kiện sống chung để quan tâm chăm sóc nhau nên tình cảm vợ chồng không được thắm thiết, hạnh phúc như những gia đình khác. Khi hai bên gia đình bàn bạc về việc tổ chức đám cưới thì giữa chị và anh H không tìm được tiếng nói chung trong quan hệ hôn nhân, nhiều lần phát sinh mẫu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống không thể hòa giải được. Sau khi về Mỹ, anh H chưa thực hiện các thủ tục để bảo lãnh cho chị qua H2 để vợ chồng được đoàn tụ. Đến nay, giữa chị và anh H lại xảy ra mâu thuẫn, bất đồng khiến chị không còn mong muốn qua H2 để đoàn tụ với chồng.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, không thể tổ chức được cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Huy H (Luong, Huy H1), sinh năm 1993, địa chỉ: 2930 S M Dr, Co, Ge 31906, U (H2).

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – Anh Lương Huy H (Luong, Huy H1) trình bày:

Anh và chị S quyết định tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 06/02/2018.

Thời gian đầu, tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng sau khi anh phải trở về H2 để sinh sống và làm việc, còn chị S vẫn cư trú ổn định tại Việt Nam thì do điều kiện sống xa cách, vợ chồng không thể quan tâm, chia sẻ, giữa chúng tôi chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại nên dần có những bất đồng về quan điểm sống. Sau nhiều lần hòa giải nhưng không đi đến kết quả tốt đẹp nên cả anh và bà S đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, không thể tổ chức được cuộc sống chung nên mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Nguyệt Linh S và anh Lương Huy H (Luong, Huy H1) là hôn nhân hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh H là có thật, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Nguyệt Linh S. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là người nước ngoài và đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tất cả đương sự trong vụ án gồm nguyên đơn - Chị Võ Nguyệt Linh S và bị đơn - Anh Lương Huy H (Luong, Huy H1) đều có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ nên căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Nguyệt Linh S và anh Lương Huy H (Luong, Huy H1) có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 06/02/2018. Hôn nhân của chị Võ Nguyệt Linh S và anh Lương Huy H (Luong, Huy H1) là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Võ Nguyệt Linh S yêu cầu xin ly hôn, áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Chị Võ Nguyệt Linh S và anh Lương Huy H (Luong, Huy H1) đều trình bày: Sau khi kết hôn, anh H trở lại H2 sinh sống và làm việc, còn chị S hiện sống ổn định tại Việt Nam nên vợ chồng không tổ chức được cuộc sống chung. Vợ chồng thường có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không thành, tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, các bên đều nhất trí việc ly hôn. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H thực sự không hạnh phúc, các bên không còn mong muốn tiếp tục xây dựng cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H không còn cần thiết. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Nguyệt Linh S.

[3.2] Về con chung: Các bên đương sự đều xác định không có và không yêu cầu khác nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Võ Nguyệt Linh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 227, 228, 238, 474 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 123, 124 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Nguyệt Linh S đối với anh Lương Huy H (Luong, Huy H1).

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Nguyệt Linh S được ly hôn với anh Lương Huy H (Luong, Huy H1).

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 22 do Ủy ban nhân dân huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai, đăng ký ngày 06/02/2018 không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Nguyệt Linh S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 001462 ngày 25/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Chị Võ Nguyệt Linh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Lương Huy H (Luong, Huy H1) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND huyện Thống N;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Phượng